

# Tài chính vi mô tại một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm nhằm hạn chế đói nghèo tại Việt Nam

TS. VÕ KHẮC THƯỜNG & THS. TRẦN VĂN HOÀNG

ĐH Ngoại thương

**T**ài chính vi mô (microfinance-MF) từ lâu đã được xem là công cụ hiệu quả trong công cuộc xóa đói giảm nghèo các quốc gia. Cuối thập niên 90, tài chính vi mô phát triển mạnh mẽ ở khắp các châu lục, đặc biệt là sau khi mô hình ngân hàng người nghèo Grameen của giáo sư Muhammad Yunus ra đời. Mô hình tín dụng trợ cấp của chính phủ các nước đã dần được chuyển sang mô hình mới theo hướng thị trường và bền vững. Báo cáo Phát triển của Ngân hàng Thế giới đã khái quát sự trưởng thành của tài chính vi mô trong hệ thống tài chính thế giới và vai trò của tài chính vi mô trong phát triển kinh tế khu vực- địa phương. Nghiên cứu của tác giả về lý thuyết và thực tiễn về tài chính vi mô cho thấy dịch vụ tài chính này là biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội. Xóa đói giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách thành thị- nông thôn, hỗ trợ sinh kế cho đối tượng dễ bị tổn thương... trở thành mục tiêu hoạt động của tài chính vi mô. Nghiên cứu cũng đề xuất những gợi ý áp dụng mô hình này tại VN.

**Từ khóa:** Tài chính vi mô, xóa đói giảm nghèo, ngân hàng người nghèo, phát triển kinh tế.

## 1. Giới thiệu

Theo Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về Tín dụng vi mô tại Washington tháng 2 năm 1997: “Tín dụng vi mô là việc cung cấp các khoản vay quy mô nhỏ đến đối tượng người nghèo, với mục đích giúp những người thụ hưởng thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh để tạo lợi nhuận từ đó nâng cao chất lượng đời sống cho cả người vay vốn và gia đình của họ”. Theo quan điểm của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB): “Tài chính vi mô là việc cung cấp một phạm vi rộng các dịch vụ tài chính như tiền gửi, tài khoản tiết kiệm, thanh toán, bảo hiểm, chuyển tiền cho người nghèo hoặc các hộ gia đình có thu nhập thấp, cho những hoạt

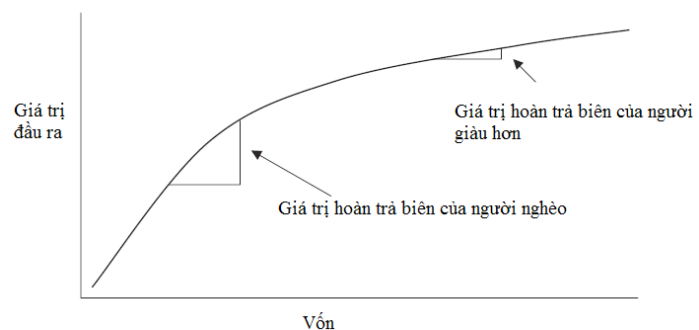
động kinh doanh cá thể hoặc doanh nghiệp rất nhỏ”

Cơ sở kinh tế học của tài chính vi mô: Người ta cho rằng giá trị hoàn trả biên của những khoản vay nhỏ có hình dạng đường cong hữu dụng biên. Người nghèo có khả

năng kinh doanh sinh lợi đạt được lợi nhuận trên mỗi đơn vị vốn lớn hơn người khá giả và sẵn sàng trả lãi vay cao hơn cho những khoản tín dụng từ ngân hàng.

Khi được trợ giá về vốn, chi phí đầu vào giảm, giá rẻ hơn, người

Hình 1: Đường giá trị hoàn trả biên giữa người nghèo và người giàu hơn

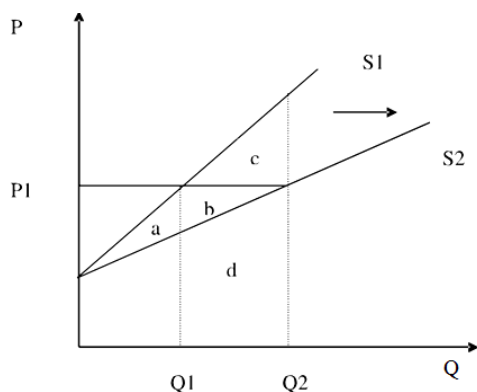


(Nguồn: Milford Bateman (2010), Why doesn't Microfinance work?)

sản xuất sẽ mở rộng được quy mô. Mô hình dưới đây minh họa phần lợi ích tài chính vi mô đóng góp cho an sinh xã hội thông qua việc cho người nghèo vay tín dụng mở rộng sản xuất. Thặng dư người sản xuất tăng (a+b). Chi phí trợ giá cho người sản xuất (b+c+d). An sinh xã hội bằng -c. Nguồn lực sử dụng thêm (b+c+d). Tiết kiệm ngoại tệ để nhập khẩu (b+d).

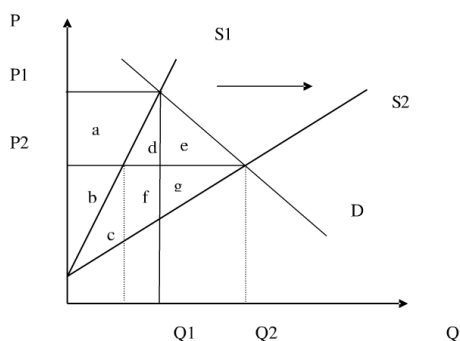
Dưới đây là mô hình minh họa tác động tích cực của tài chính vi mô vào sản xuất tiêu dùng được

**Hình 2: Lợi ích của tài chính vi mô cho an sinh xã hội**



(Nguồn: Milford Bateman (2010), *Why doesn't Microfinance work?*)

**Hình 3: Lợi ích của tài chính vi mô cho sản xuất**



(Nguồn: Milford Bateman (2010), *Why doesn't Microfinance work?*)

hưởng tín dụng ưu đãi nghĩa là người sản xuất đã được trợ giá đầu vào.

Sản xuất tăng từ Q1 đến Q2. Thặng dư người sản xuất thay đổi từ (a+b) sang (b+c+f+g). Nếu a > (c+f+g) thì người sản xuất không được lợi và ngược lại. Thặng dư người tiêu dùng tăng thêm (a+d+e).

Người ta ngày càng tin tưởng rằng tài chính vi mô trên cơ sở lý thuyết kinh tế đã và đang tạo động lực kích thích cho quá trình tạo ra lợi nhuận trong nhân dân. Cùng với tiết kiệm, tài chính vi mô đã thúc đẩy tăng trưởng sản xuất, khuyến khích tiêu dùng và mở rộng tích lũy đầu tư.

## 2. Thực trạng tài chính vi mô tại VN

Từ năm 1993 đến 2006, 42% dân số (khoảng 35 triệu dân) đã thoát khỏi cảnh đói nghèo, giảm tỷ lệ số dân sống dưới chuẩn nghèo quốc gia từ 58% xuống còn 16%. Đến cuối năm 2007, tỷ lệ nghèo tiếp tục được giảm thấp xuống còn 14,2%, tuy đây là một tỷ lệ ấn tượng, song ở VN vẫn có tới 12,3 triệu dân sống trong nghèo đói (Báo cáo phát triển 2008, Ngân hàng Thế giới). Theo nhận định của ADB, các khoản tín dụng của tài chính vi mô nhỏ ở VN tương đương 4% GDP. Tuy nhiên, các tổ chức tài chính vi mô hoạt động trên thị trường VN mới chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu của người nghèo, 60% còn lại với khoảng hơn 12 triệu người nghèo chưa tiếp cận được những dịch vụ này.

Tài chính vi mô tại VN: Có thể phân hệ thống các tổ chức

tài chính vi mô ở nước ta thành 3 loại: chính thức, bán chính thức và không chính thức:

### 2.1. Các tổ chức tài chính vi mô

Tổ chức tài chính vi mô chính thức bao gồm: Hợp tác xã tín dụng, hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, Quỹ tín dụng Trung ương.

Tổ chức tài chính vi mô bán chính thức: Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Hội Nông dân VN, Hội Cựu chiến binh VN, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Tổ chức tài chính vi mô không chính thức: Tổ chức tài chính vi mô không chính thức là tổ chức do một nhóm người đứng ra tổ chức góp vốn cho vay luân phiên nhau để giải quyết khó khăn trong đời sống với mục tiêu tương trợ, gọi là hội, họ, biêu, phường... không quy định tổ chức tín dụng loại này phải đăng ký tại bất kỳ cơ quan quản lý nhà nước nào và cũng không có cơ quan nào được giao trách nhiệm quản lý.

### 2.2. Mô hình hoạt động

Mô hình tín dụng: Khoản cho vay thu hàng tháng hoặc hàng tuần, áp dụng cho công nhân lao động và viên chức. Lãi suất cho vay hàng tháng của các khoản vay này là từ 0,7% đến 1,2% và hạn mức cho vay tối đa là 15,000,000 VND.

Mô hình tiết kiệm: Khoản tiết kiệm bắt buộc, được áp dụng cho loại hình cho vay thu hàng tháng, cho vay hàng tuần và cho vay hàng ngày, thể hiện 10% tiết kiệm góp trên tổng số vốn vay. Tùy theo thời hạn vay, mỗi người vay hàng tháng phải nộp 0,7% - 1,2% trên số vốn vay để đóng góp vào quỹ tiết kiệm bắt buộc. Người vay cũng được khuyến khích gửi tiết kiệm tự nguyện. Lãi suất khoản tiết kiệm là 0,25%/ tháng.

Mô hình bảo hiểm vi mô: Với

số tiền đóng góp chỉ hơn 200 đồng mỗi tuần, khi gặp khó khăn thành viên Quỹ TYM và gia đình họ có thể nhận được một khoản tiền hỗ trợ viện phí 200,000 đồng, mai táng phí 500,000 đồng một cách nhanh chóng, không phải trải qua các thủ tục quan liêu và quan trọng hơn cả là toàn bộ dư nợ vốn của họ ngay lập tức được xóa bỏ.

### 2.3. Một số hạn chế của thị trường tài chính vi mô VN

Số lượng tổ chức tài chính vi mô không đủ đáp ứng nhu cầu tín dụng nhỏ: Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đã được thành lập hơn 15 năm nay nhưng số lượng còn rất hạn chế. Chỉ chiếm 1/10 số xã, phường trong cả nước. Số thành viên cũng chỉ chiếm 1/10 hộ gia đình tham gia. Từ đó, có thể thấy rằng dư âm của sự thiếu tin cậy mặc cảm của người dân, chính quyền, các địa phương đối với phong trào hợp tác xã trong những năm 1989-1990 vẫn còn khá nặng nề cho đến nay.

Khả năng tiếp cận vốn vay của các hộ nghèo hoặc hộ có thu nhập thấp còn thấp: Đa số các ý kiến đều cho rằng thị trường dịch vụ tài chính vi mô truyền thống tại VN là để phục vụ cho 24 triệu người nghèo và những người có thu nhập thấp hay 5,4 triệu hộ có thu nhập thấp. Ngân hàng Chính sách xã hội, một số Quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính vi mô bán chính thức vẫn là những nhà cung cấp tín dụng chủ yếu.

### 3. Tài chính vi mô tại một số nước trên thế giới

**Grameen Bank:** Tại Bangladesh, giáo sư Muhammad Yunus cùng với một sinh viên tốt nghiệp tại Chittagong Đại học vào năm 1976, đã thiết kế một chương trình tín dụng thực nghiệm để phục vụ người nghèo. Thông qua một

mối quan hệ đặc biệt với các ngân hàng nông thôn, ông giải ngân và thu hồi hàng ngàn các khoản cho vay. Nhưng các ngân hàng từ chối để tiếp nhận dự án vào cuối giai đoạn thí điểm. Họ sợ rằng nó quá tốn kém và nguy hiểm. Cuối cùng, thông qua sự hỗ trợ của các nhà tài trợ, Ngân hàng Grameen được thành lập vào năm 1983 và bây giờ phục vụ hơn 4 triệu khách hàng vay. Sự thành công ban đầu của Ngân hàng Grameen cũng kích thích sự thành lập một số tổ chức tài chính vi mô không lồ khác như BRAC, ASA, Proshika...

**Accion International:** Tổ chức tiên phong được thành lập bởi một sinh viên luật, Joseph Blatchford, để giải quyết vấn đề đói nghèo ở các thành phố của châu Mỹ La tinh. Khởi đầu mọi thứ là nỗ lực của các sinh viên tình nguyện trong khu ổ chuột Caravas, phát triển cùng khoản tiền 90.000 USD từ các công ty tư nhân, Accion ngày hôm nay là một trong các tổ chức tài chính vi mô hàng đầu trên thế giới, với mạng lưới đối tác cho vay trải rộng khắp châu Mỹ Latinh, Hoa Kỳ và châu Phi.

**Ngân hàng Sewa:** Trong năm 1972, Hiệp hội Phụ nữ tự kinh doanh (Sewa) đăng ký dưới hình thức công đoàn ở Gujarat (Ấn Độ), với mục tiêu chính của "tăng cường khả năng quản lý của thành viên để cải thiện thu nhập, việc làm và an sinh xã hội." Trong năm 1973, để giải quyết sự hạn chế tiếp cận dịch vụ tài chính, các thành viên SEWA đã quyết định thành lập "một ngân hàng của riêng mình". 4000 phụ nữ đóng góp vốn cổ phần để thành lập Ngân hàng Hợp tác xã Mahila Sewa. Kể từ đó nó tiến hành cung cấp các dịch vụ ngân hàng cho người nghèo, phụ nữ mù chữ, tự

làm chủ và đã trở thành một liên doanh tài chính hữu hiệu đối với khoảng 30.000 khách hàng hoạt động ngày nay.

**Caja los Andes** ở Bolivia cung cấp bốn lựa chọn trả nợ phù hợp với dòng tiền của các hoạt động nông nghiệp khác nhau. Nó bao gồm một khoản thanh toán cuối cùng ở thời điểm đáo hạn cho cả gốc và lãi phù hợp với các hoạt động cây trồng duy nhất. Các khoản thanh toán không đồng đều trong khoảng thời gian không thường xuyên cho nông dân trồng những giống cây có thời gian thu hoạch khác nhau. Tính linh hoạt được đề cao trong quá trình giải ngân vốn vay, nông dân có thể nhận được số tiền vay theo ba đợt.

**Adopem** ở Cộng hòa Dominican thực hiện chương trình PDA (Personal Digital Assistants) trong dịch vụ tài chính vi mô: số hóa dữ liệu khách hàng và máy móc hỗ trợ tối đa cho hoạt động tài chính thay vì thuê mướn thêm nhân viên và đã ghi nhận những cải thiện đáng kể. Khách hàng tài chính vi mô đông hơn. Số ngày giữa kế hoạch và giải ngân giảm xuống từ năm ngày đến hai ngày. Chi phí cho thủ tục giấy tờ giảm 60% và chi phí cho việc nhập dữ liệu giảm 50%. Khối lượng công việc nhân viên vay và các biện pháp khác năng suất tăng khoảng 35%.

**Technoserve** ở Ghana đã phát triển chương trình tín dụng hàng tồn kho ở Ghana cho phép các nhóm nông dân nhận được lợi nhuận từ cây trồng bằng cách cung cấp tín dụng sau thu hoạch thông qua liên kết với một tổ chức tài chính nông thôn. Thay vì bán tất cả các cây trồng thu hoạch khi giá đang thấp nhất để đáp ứng nhu cầu tiền mặt, nông dân quy mô nhỏ trong các

cửa hàng kế hoạch cây trồng của họ trong một nhà kho hợp tác quản lý và nhận được một khoản vay khoảng 75-80%. Giá trị của các cây trồng được lưu trữ, phục vụ làm tài sản thế chấp. Khoản vay này cho phép họ để xóa các khoản nợ họ tích lũy và đáp ứng nhu cầu tiền mặt ngay lập tức. Sau đó, khi giá đã tăng trong mùa, nông dân, hoặc bán cây trồng được lưu trữ hoặc mua lại nó cho tiêu dùng.

**Gapi và Clusa ở Mozambique:** GAPI cung cấp đầu tư và cho vay vốn lưu động đến các diễn đàn (Liên đoàn các hiệp hội) của các hộ nông dân nhỏ và các doanh nghiệp vi mô, nhỏ. Gapi hợp tác với Clusa để cài đặt và đăng ký các diễn đàn. Các khoản cho vay được đảm bảo thông qua một bảo đảm đoàn kết nhóm giữa các diễn đàn tham gia. Mỗi diễn đàn về cho vay các hiệp hội thành viên, người thu thập các sản phẩm từ các thành viên cá nhân và nông dân khu vực khác và cung cấp các diễn đàn lại cho khoản vay. Khoảng 80% của lợi nhuận từ bán các sản phẩm được giao lại cho các hiệp hội. Nguồn còn lại 20% lợi nhuận được giữ bởi các diễn đàn như các khoản thanh toán lãi.

### **Bank Rakyat Indonesia (BRI)**

Bank Rakyat Indonesia (BRI) là ngân hàng thương mại nhà nước ở Indonesia Trong 30 năm hình thành và phát triển BRI là ngân hàng của nông thôn khu vực và hoạt động nông nghiệp. Hệ thống ngân hàng đơn vị đã thiết lập trần cho vay Kupedes, xem đây là công vụ để tập trung dịch vụ tài chính cho bộ phận doanh nghiệp nhỏ.

Ban đầu khoản vay có giá trị tối đa cố định là 1,000 USD và liên tục được nâng lên thành 5,000 USD. Những khoản vay nhỏ không tập trung vào khách hàng lớn, có quyền lực chính trị, vậy nên giảm được sự can thiệp, ảnh hưởng của khách hàng đến quá trình vận hành.



### **Swayam Krishi Sangam (SKS)**

Ấn Độ: Học tập phương pháp cho vay của Ngân hàng Grameen ra đời vào năm 1998. Nó cung cấp các sản phẩm MF thông qua một mô hình cho vay đối với nhóm phụ nữ nghèo vì mục đích lợi nhuận.

Nhiệm vụ của SKS: “Để trao quyền kinh doanh cho những người nghèo nhất nhóm cung cấp các dịch vụ tài chính cho phụ nữ nghèo ở cấp độ làng xã một cách đầy đủ nhất”. SKS được biết đến là tổ chức tài chính vi mô đầu tiên ở Ấn Độ phát triển hệ thống MIS và giành được giải thưởng. Từ khi thành lập, SKS đã cung cấp 40 triệu USD tín dụng vi mô cho hơn 150.000 phụ nữ ở miền Nam Ấn Độ thông qua 45 chi nhánh và 500

nhân viên.

Sản phẩm tài chính vi mô của SKS: SKS vận hành theo mô hình Tập đoàn trách nhiệm hữu phần (Joint Liability Group- JLG). Hình thức tín dụng thực hiện theo nhóm năm thành viên. SKS cung cấp 8 sản phẩm và dịch vụ tài chính cho các khách hàng: vay tạo thu nhập, các khoản cho vay trung hạn, hỗ trợ tang, khoản vay vàng, vay nhà ở, bảo hiểm nhân thọ,...

Huy động vốn ở SKS: SKS đã phải huy động tiền từ các công ty khác nhau và các nhà tài trợ cá nhân để duy trì hoạt động của mình. Trong tháng 3 năm 2006, SKS đóng cửa vòng 1 đầu tư cổ phần đạt 3.2 triệu USD, sau đó đạt mức vốn chủ sở hữu vượt bậc tại vòng 2 trong tháng 3/ 2007 là 11.500.000 USD. Vòng thứ ba, vốn chủ sở hữu trị giá 147 triệu rupee trong tháng 1 năm 2008. Trong tháng 11 năm 2008 SKS tăng vốn chủ sở hữu trị giá 75.000.000 USD (366 triệu rupee), đạt mức vốn chủ sở hữu lớn nhất trong lịch sử MF.

Cách thức huy động vốn này thúc đẩy vốn chủ sở hữu từ việc nâng cao nợ ở khu vực công, khu vực tư nhân và các ngân hàng đa quốc gia hoạt động ở Ấn Độ. Nguồn vốn đã giúp khuếch trương quy mô tổ chức SKS và tiếp cận tới hàng triệu hộ gia đình nghèo trên khắp Ấn Độ.

## **4. Gợi ý chính sách**

**Mô hình hoạt động:** Có nhiều sản phẩm dịch vụ có thể phát triển tại thị trường MF VN, tuy nhiên, tác giả đề xuất 3 sản phẩm dịch vụ được xem là phù hợp, gần gũi và thiết thực nhất với nhu cầu tài

chính vi mô trong nước hiện tại:

**Sản phẩm vốn vay:** Cần thiết đa dạng hóa về kích cỡ vốn vay phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Sắp xếp khách hàng thành cụm nhỏ. Sau 3 tháng hoàn trả vốn chung, thành viên được phép vay thêm một loại vốn bất kỳ. Có món vay đều hoàn trả theo tuần. Các cụm sinh hoạt theo tháng để cập nhật thông tin và báo cáo tình trả nợ cá nhân. Cơ chế bảo lãnh là thông qua một người đồng bảo lãnh.

**Sản phẩm tiết kiệm tự nguyện:** Bắt đầu tham gia quỹ, thành viên phải nộp tiết kiệm bắt buộc với mức nhất định theo tuần. Từ năm thứ 2, với mỗi khoản vay, thành viên cần đảm bảo số dư tiết kiệm đạt 10% mức vốn vay trước khi phát vốn. Nếu số dư của thành viên còn ít, thành viên cần phải nộp thêm tiền cho đủ mức yêu cầu. Cả tiết kiệm bắt buộc và tiết kiệm tự nguyện đều được tính lãi suất 3,6%/ năm. Việc rút tiết kiệm phải được báo trước 1 tuần.

**Bảo hiểm vi mô:** Bảo hiểm vi mô được cung cấp cho các thành viên với mức phí nhất định theo tuần, cộng với tỷ lệ phần trăm dư nợ vốn nhất định trong vòng 2 năm đầu tiên. Ngoài ra, hoạt động bảo hiểm cần cung cấp cả dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, xóa nợ, bảo hiểm nằm viện.

**Quản lý thông tin:** Trưởng chi nhánh phải xây dựng báo cáo từ cơ sở định kỳ theo tuần. Trong báo cáo vận hành, các yếu tố sau cần được nhấn mạnh: số thành viên ra nhóm, thông tin dư nợ/ sản phẩm, tỷ lệ PAR, tiết kiệm, bảo hiểm. Báo cáo tài chính đưa ra tóm tắt về thu nhập, bảng cân đối, dự báo dòng tiền. Các chi phí gián tiếp cần được phân chia giữa các chi nhánh để phân tích tài chính một cách đúng

đắn về khả năng bền vững của các chi nhánh. Đặc biệt cần thực hiện phân tích lợi nhuận của đơn vị trong quá trình định giá sản phẩm.

**Quản lý rủi ro:** Giảm tỷ trọng tài sản rủi ro trong tổng tài sản, tính toán mức độ tài trợ cho các nhóm tài sản phù hợp để đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu như trên. Tuy vậy tổ chức tài chính vi mô cần phải cân bằng giữa hai mục tiêu: an toàn và sinh lời, tính toán các tỷ lệ an toàn và lợi nhuận ở mức phù hợp để tránh gặp phải rủi ro thanh khoản hay rủi ro hoạt động. Xem xét đánh giá cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn trên các mặt: kỳ hạn, lãi suất, tính ổn định. Các tổ chức tài chính vi mô có thể chủ động sử dụng các công cụ tài chính phái sinh (nếu có) nhằm ngăn chặn rủi ro xảy ra như: các hợp đồng hoán đổi lãi suất, hoán đổi tín dụng, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương lai... Ngăn chặn nợ xấu phát sinh, chấm dứt việc cho vay mới đối với khách hàng có lịch sử hoàn trả nợ xấu.

**Tự do hóa lãi suất:** Theo kinh nghiệm của BRI, kể từ khi chính sách lãi suất được thay đổi theo hướng thị trường, mỗi MFI phải tự điều chỉnh lãi suất cho vay theo đối tượng khách hàng. Lãi suất phải đủ bù đắp được chi phí hoạt động, tình trạng mất vốn, lạm phát. Những khoản vay nhỏ, rủi ro lớn được tính lãi suất cao hơn. Đồng thời kích lệ tinh thần tự lực của MFI, đẩy mạnh hoạt động tiền gửi trong nhân dân để bền vững hóa hoạt động của tổ chức. Tuy nhiên cần thực hiện biện pháp này một cách khéo léo. Nếu kiểm soát không tốt lại có thể tạo ra những làn sóng rút tiền và gửi tiền theo tâm lý đám đông, tạo vòng xoáy xáo trộn luồng vốn, cơ cấu vốn và kế hoạch kinh doanh của

các tổ chức tài chính vi mô.

**Xóa bỏ các chương trình và mô hình tín dụng trợ cấp; khuyến khích các mô hình tài chính vi mô thương mại:** Những nguyên tắc thị trường vẫn còn đang bị bóp méo bởi cơ chế cho vay bao cấp. Do vấn đề lịch sử hoặc cơ cấu tập trung yếu, phạm vi hoạt động rải rác nên một bộ phận của thị trường tài chính vi mô VN chưa thể tiến hành theo phương thức thương mại. Chính phủ cần xác định thương mại hóa ngành tài chính vi mô chính là chìa khóa hướng tới một nền tài chính vi mô hiệu quả và bền vững. Tuy nhiên, cần thiết duy trì các chương trình và mô hình tín dụng trợ cấp dành cho đối tượng đặc biệt như học sinh sinh viên.

## 5. Kết luận

Ý tưởng về mô hình tài chính vi mô đã là một “niềm kinh ngạc” (theo Ủy ban Nobel 2005) thì quá trình xây dựng tài chính vi mô tại mỗi quốc gia đang từng bước đóng góp nhiều phát triển kì diệu cho tình hình kinh tế- chính trị- xã hội. Mô hình tài chính vi mô đang ngày càng hoàn thiện song song với quá trình bùng nổ của ngành tài chính hết sức đặc biệt này. VN có đầy đủ tiềm năng để phát triển nhiều hơn nữa ngành tài chính vi mô. Hoàn thiện nguồn cung tài chính, khơi dậy nguồn cầu tài chính và hướng đến việc sử dụng bền vững, hiệu quả các khoản tiền vi mô là những điều tài chính vi mô VN trong tương lai cần hướng tới ●

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alex Counts (2008), *Small Loans, Big Dreams How Nobel Prize Winner Muhammad Yunus and Microfinance Are Changing the World*, John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey.
- Amando M Tetangco, Jr (2005), *Stimulating the growth of microfinance in the Philippines*, bài phát biểu của Amando M Tetangco, Jr, Governor of the Bangko Sentralng Pilipinas, tại Diễn đàn National Capital Region (NCR) Stakeholders' Forum về tài chính vi mô, Manila, 19/09/2005.
- Bank Rakyat Indonesia (1994-2001), *Annual Reports*, Jakarta 1994, 1995, 1998, 1999, 2000, 2001.
- Báo cáo đánh giá về ngành tài chính vi mô VN* (tháng 7/ 2008), Mạng lưới Ngân hàng phục vụ người nghèo xuất bản với sự hợp tác của SEEP Network, được tài trợ bởi Citi Foundation như một hoạt động của Chương trình tăng cường mạng lưới của Citi.
- Hoàng Hữu Hòa (2007), "Tác dụng của vốn vay tín dụng đối với xóa đói giảm nghèo ở huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế", *Tạp chí Khoa học số tháng 06/2007*.
- Microfinance Industry Report Vietnam 2008* (2009), The Banking with the Poor Network in collaboration with the SEEP Network Microfinance Workshop 4 November 2009, Reserve Bank of Fiji.
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN Agribank (2010), *Cẩm nang tín dụng*.
- Quỹ trợ vốn cho người nghèo CEP (2007 – 2008 – 2009 - 2010), *Báo cáo hoạt động thường niên năm 2007, 2008, 2009, 2010*.

## Chín nguyên tắc mới 2013...

(Tiếp theo trang 9)

Nếu như những dữ liệu của một quốc gia thỏa mãn được hai tính chất này thì sẽ làm cho các bên tham gia vào thị trường có sự công bằng, giảm khoảng cách giữa các bên, tạo ra sự cạnh tranh đầy đủ trong nền kinh tế, thúc đẩy sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội. Nói một cách khác, minh bạch và giải trình trước công chúng là hai thành phần quan trọng nhất đối với một cơ chế quản trị tốt. Hai thuộc tính này có mối quan hệ chặt chẽ, không có sự tách biệt, bổ trợ nhau cùng tạo nên sự đầy đủ, trọn vẹn cho thông tin. Với điều này, nếu đạt được hai tính chất này thì VN sẽ hạn chế được các yếu tố tiêu cực phát sinh, tạo ra môi trường lành mạnh, thu hút sự đầu tư nhiều hơn từ các phía trong thời gian tới.

Tóm lại, với những đóng góp về khuôn mẫu lý thuyết, bài viết đã cung cấp được nội dung được xem là cơ bản nhất về hai thuộc tính mà thông tin cần có, đó là tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Bên cạnh đó, với 9 nguyên tắc nền tảng trên thì sẽ giúp tăng dần hai tính chất này. Các đơn vị nên có sự thay đổi, vận dụng theo một lộ trình, từ đó sẽ giúp cho kinh tế vi mô và vĩ mô được minh bạch, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển chung cho toàn thế giới●

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Beetseh, K (2012), "Accountability And Transparency in Legislative Process In Nigeria: A Challenge", *Journal of Law, Policy and Globalization*, vol. 3, pp. 19-21.
- Bộ Tài Chính (2012), *Giảm thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch của nhà đầu tư nước ngoài*, Thông tư 213/2012/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.
- Christopher, S. & Tamara, K (2012), "Transparency and accountability in infrastructure stimulus spending: A comparison of Canadian, Australian and U.S. programs", *Canadian Public Administration*, vol. 55, no. 4, pp. 481-503.
- George, A (2012), "Evidence Based Policy: Principles of Transparency and Accountability", *Australian Journal of Public Administration*, vol. 71, no. 4, pp. 457-468.
- Gopalakrishnan, R (2012), "Accountability, Transparency and Sustainability in Governance: Can Rural Broadband be a Game-changer?", *IIM Kozhikode Society & Management Review*, vol. 1, no. 1, pp. 51-54.
- Hitoshi, S (2012), "Thiếu nhất là tính minh bạch", *Thời báo Ngân hàng*.
- James, E. A (2010), "Transparency and Accountability: Empirical Results for US States", *Journal of Theoretical Politics*, October 2010, vol. 22, no. 4, pp. 379-406.
- Nguyễn Sơn (2012), *Nỗ lực tăng tính minh bạch trên thị trường chứng khoán*, Hội nghị tập huấn triển khai các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- Ronald, J. K. J (2011), "Transparency, Accountability, and Competency: An Essay on the Obama Administration, Google Government, and the Difficulties of Securing Effective Governance", *University of Miami Law Review*, vol. 65, p. 449, U of Alabama Legal Studies Research Paper No. 2169055.